

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/DS-ST

Ngày: 21-9-2021

*“V/v yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST- DS ngày 31 tháng 03 năm 2021 về *“Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 137A, đường Lý Thái T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Cao Thị B, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: số 476, đường Phạm Văn Đ, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 31-03-2021, bản tự khai ngày 31-03-2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Do có quan hệ quen biết, nên ngày 24/2/2016 bà cho bà Cao Thị B mượn 20.000.000 đồng, ngày 20/5/2016 mượn 30.000.000 đồng, ngày 16/12/2016 mượn 10.000.000 đồng, tổng cộng bà cho bà Cao Thị B mượn 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà có tham gia chơi các dây hụi do bà Cao Thị B làm chủ hụi, sau khi tính toán lại ngày 30/11/2020 bà Cao Thị B viết giấy chốt nợ tiền hụi của bà là 65.900.000 đồng. Như vậy, bà Cao Thị B nợ bà tổng cộng là 125.900.000 đồng, bà nhiều lần yêu cầu bà B trả số tiền nợ trên nhưng bà B không trả.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Cao Thị B phải trả cho bà số tiền 125.900.000 đồng và không yêu cầu bà B trả lãi.

2. Tại bản tự khai ngày 27-4-2021, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Cao Thị B trình bày:

Bà thừa nhận có mượn của bà Nguyễn Thị Kim T 60.000.000 đồng, cụ thể: ngày 24/2/2016 mượn 20.000.000 đồng, ngày 20/5/2016 mượn 30.000.000 đồng, ngày 16/12/2016 mượn 10.000.000 đồng như bà T trình bày là đúng.

Ngoài ra, bà T có tham gia chơi các dây hụi ngày 10/8/2019, dây hụi ngày 20/5/2019, dây hụi ngày 5/11/2019 do bà làm chủ hụi. Sau khi tính toán lại bà còn nợ của bà T 65.900.000 đồng tiền hụi, nên ngày 30/11/2020 bà viết giấy chốt lại số tiền hụi bà còn nợ bà T là 65.900.000 đồng và đưa giấy này cho bà T giữ. Nay bà còn nợ của bà T tổng cộng là 125.900.000 đồng, nhưng hiện nay bà gặp khó khăn, chưa bán được nhà nên không có tiền trả cho bà T. Nay bà xin bà T cho bà trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng bắt đầu trả từ tháng 01/2022 cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T, buộc bà Cao Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T 125.900.000 đồng; buộc bà Cao Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện bị đơn bà Cao Thị B, địa chỉ: số 476, đường Phạm Văn Đ, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai yêu cầu bà B phải trả số tiền 125.900.000 đồng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Bà T yêu cầu bà B trả số tiền nợ là 125.900.000 đồng, đồng thời cung cấp chứng cứ là bản gốc các Giấy nợ ngày 24/2/2016, ngày 20/5/2016, ngày 16/12/2016

thể hiện bà B còn nợ 60.000.000 đồng và 01 bản phô tô giấy chốt nợ tiền hui ngày 30/11/2020 thể hiện bà B còn nợ 65.900.000 đồng để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy bà T không cung cấp được bản gốc của giấy chốt nợ tiền hui ngày 30/11/2020 do bị thất lạc, nhưng bị đơn bà B thừa nhận có viết và xác nhận khoản nợ hui này tại giấy chốt nợ tiền hui ngày 30/11/2020, nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

[3] Bà B thừa nhận có mượn của bà T 60.000.000 đồng và nợ 65.900.000 đồng tiền hui, tổng cộng là 125.900.000 đồng, hiện nay đang gặp khó khăn nên chưa trả số tiền này cho bà T.

[4] Như vậy, bà B có mượn tiền và nợ tiền hui của bà T là có thật, tổng số tiền nợ là 125.900.000 đồng, do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ. Do đó, Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà B phải trả cho bà T số tiền 125.900.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa bà B xin bà T cho bà trả nợ mỗi tháng 1.500.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 01/2022 cho đến khi hết nợ, tuy nhiên bà T không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trả nợ dần của bà B.

[6] Bà T không yêu cầu bà B trả lãi số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, nên bà B phải chịu 6.295.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 274, Điều 275, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Cao Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 125.900.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Cao Thị B phải chịu 6.295.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T 3.397.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0012369 ngày 31-03-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu